

Bản án số: 17/2022/HSST
Ngày 21/03/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Giai Thương, ông Nguyễn Đình Quê.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Cao Khải, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2022/TLST-HS, ngày 17 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HS ngày 7/03/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 2001.

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

HKTT: Thôn Bến Hồ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 06/12. Họ và tên bố: Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1969. Họ và tên mẹ: Ngọc Thị Mười, sinh năm 1968. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con út. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/11/2021 đến ngày 05/12/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại ở địa phương (Bị cáo có mặt).

Bị hại: Anh Nguyễn Phú S, sinh năm 1990. (đề nghị vắng mặt)

Cư trú: Thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lạc Thổ Bắc, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/3/2021, Nguyễn Văn T đang ngồi chơi game tại quán nét “Vạn Xuân” ở Phố Mới, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Do quán không mở buổi tối nên T gọi điện cho Nguyễn Huy Cường, sinh năm 1990 trú tại thôn Lạc Thổ Bắc, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (là anh họ của T) đến đón để đi tìm quán nét khác, Cường đồng ý. Khi Cường đón T, trên đường đi cả hai rủ nhau vào quán nước của anh Nguyễn Văn Khôi, sinh năm 1986 trú tại thôn Lạc Thổ Bắc, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh để uống nước. T khai: tại quán, Cường bàn bạc với T là Cường sẽ gọi điện cho anh Nguyễn Phú S, sinh năm 1990 trú tại thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh đến quán để uống nước. Sau đó, T sẽ nói dối mượn xe của S đi có việc rồi bán lấy tiền để T và Cường tiêu. T đồng ý. Sau đó, Cường gọi điện thoại cho anh S rủ đến quán uống nước và bảo T đi ra ngoài quán chờ, khi nào Cường gọi điện thì T vào mượn xe của anh S. Một lúc sau, T đứng ngoài quán nhìn thấy anh S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, đen biển kiểm soát 99F1 – 520.09 (gọi tắt là xe mô tô biển kiểm soát 99F1 – 520.99) đến rồi vào quán ngồi uống nước với Cường. Khoảng 10 phút sau, Cường gọi điện cho T bảo “Vào đi”. T đồng ý. Lúc này khoảng 19 giờ 00 phút, T đi vào đến chỗ Cường đang ngồi với anh S. T hỏi anh S “Anh cho em mượn xe đi ra phố một lúc sau em quay lại trả”. Anh S hỏi lại “đi đâu?”. T trả lời “em đi ra phố”. Do có quen biết từ trước với T nên anh S đồng ý và đưa chìa khoá xe cho T. Sau khi mượn được xe, T điều khiển chiếc xe của anh S đi tìm chỗ cầm cố. T đi một mình đến nhà ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1969 trú tại thôn Lạc Thổ Bắc, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Tại đây, T nói muốn cầm cố xe, ông D hỏi về nguồn gốc xe thì T nói là xe của T mới mua. Do ông D không nhận cầm cố xe nên T bảo ông D cho T vay số tiền 3.000.000 đồng hẹn sau 3 ngày sẽ trả và tự nguyện để lại chiếc xe này để làm tin. Ông D đồng ý. Sau đó, T cầm 3.000.000 đồng vay của ông D đi về. Còn anh S thấy T mượn xe lâu không quay lại lên gọi điện bảo T mang trả lại xe thì T nói với anh S là chiếc xe mô tô trên T đã mang đi cầm cố và hẹn hôm sau sẽ đi chuộc trả lại cho anh S. Về số tiền cầm cố xe, T khai: T đã chia cho Cường số tiền 2.700.000 đồng còn T được 300.000 đồng. Số tiền này, T đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, anh S nhiều lần gọi điện, đến nhà T đòi xe nhưng T không trả. Một thời gian sau thì anh S biết T cầm cố xe tại nhà ông D nên anh S đã nhờ anh Nguyễn Xuân Toàn, sinh năm 1967 trú tại thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (là chú ruột anh S) đến nhà ông D để chuộc xe. Do quá trình sử dụng chiếc xe của anh S, bộ xe bị hỏng nên ông D phải thay hết 500.000 đồng. Vì vậy, anh Toàn và ông D đã thỏa thuận giá chuộc chiếc xe mô tô nêu trên là 3.500.000 đồng. Sau đó, anh Toàn đã giao lại xe cho anh S. Ngày 26/11/2021, anh S có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Thành, đồng thời tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 99F1 – 520.09 là vật chứng của vụ án.

Cùng ngày 26/11/2021, Nguyễn Văn T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Thành đầu thú và tự nguyện nộp số tiền 3.500.000 đồng để khắc phục tiền anh S đã bỏ ra để chuộc xe.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 43/KL – HĐĐGTS ngày 29/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự hình sự huyện Thuận Thành kết

luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, đen biển kiểm soát 99F1 – 520.09 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 23/3/2021 là 17.000.000 đồng.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 16/CTr-VKS ngày 15/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành truy tố Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận do cần tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo đã giả vờ hỏi mượn xe của anh S nói là đi ra phố có việc nhưng sau khi nhận được xe máy của anh S, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt bằng việc đem xe đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Trong phần tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã đưa ra chứng cứ để buộc tội Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với giá trị tài sản chiếm đoạt là 17.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ Luật hình sự, xử phạt T từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự: Tài sản phạm tội Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu, anh S đã nhận lại và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết. Anh S cũng không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại nên cũng không xem xét giải quyết.

Bị cáo T nhận tội và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Trong phần nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo và miễn cho bị cáo hình phạt bổ sung.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ để xác định: Do muốn có tiền để tiêu sài cá nhân, bị cáo T đã nảy sinh ý định lừa lấy xe máy của anh Nguyễn Văn S để đem đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối bằng việc hỏi mượn xe của anh S nói dối là đi có chút việc nhưng thực tế là bị cáo không có việc gì mà sau khi mượn được xe bị cáo đã thực hiện ngay hành vi chiếm đoạt tài sản bằng việc đem ngay xe đi cầm cố để lấy tiền ăn tiêu cá nhân. Bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, giá trị tài sản chiếm đoạt trị giá 17.000.000 đồng. Do vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội

phạm được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ Luật hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an ninh trên địa bàn. Do vậy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ Luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền để khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b điểm s điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Bị cáo sau khi phạm tội cũng đã ra đầu thú, phía bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Đây là những tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xem xét các tình tiết của vụ án thì thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo cũng có nơi cư trú rõ ràng nên thấy rằng không cần thiết phải xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội sau này.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc ổn định, kinh tế phụ thuộc bố mẹ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Anh S đã nhận lại chiếc xe Moto hiệu Honda Wave màu trắng, đen biển kiểm soát 99F1 – 520.09 và số tiền 3.500.000 đồng mà anh đã bỏ ra để chuộc xe về. Anh S không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu trắng, đen biển kiểm soát 99F1 – 520.09V là vật chứng của vụ án đã trả lại anh S là chủ sở hữu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Liên quan đến vụ án có: Đối với ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1969 là người đã cho T vay số tiền 3.000.000 đồng và có giữ xe máy để làm tin. Quá trình điều tra xác định ông D không biết chiếc xe nhận giữ là do T phạm tội mà có, số tiền cho T vay ông D cũng đã nhận lại và không có ý kiến gì khác nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Đối với Nguyễn Huy Cường người mà T khai có bàn bạc để lừa lấy xe của anh S. Quá trình điều tra Cường không thừa nhận có bàn bạc với T, cũng không có căn cứ để xác định Cường có bàn bạc với T như T đã khai nên Cơ quan điều tra không xử lý Cường là phù hợp.

[6]. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ Luật hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt Nguyễn Văn T 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Thuận Thành.
- Công an huyện Thuận Thành.
- Chi cục THA dân sự huyện Thuận Thành.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Nguyễn Sỹ Cây